

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH,
đảm bảo ANQP tháng 01/2019 và triển khai nhiệm vụ tháng 02/2019

A- KẾT QUẢ THỰC HIỆN THÁNG 01/2019

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1 Trồng trọt

Tình hình thu hoạch vụ Thu - Đông năm 2018: Đến ngày 22/01/2019, toàn tỉnh thu hoạch được 53.534 ha/54.308 ha diện tích gieo trồng, đạt 98,58%⁽¹⁾.

Tiến độ sản xuất vụ Đông - Xuân năm 2018-2019: Đến ngày 22/01/2019, toàn tỉnh gieo trồng được 42.534 ha/45.110 ha KH, đạt 94,29% KH (trong đó: lúa nước 32.857 ha).

Các đơn vị tiếp tục theo dõi tình hình phát sinh sâu, bệnh gây hại trên các loại cây trồng chính để có giải pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời, đặc biệt chú ý bệnh khảm lá vi rút hại sắn; kiểm tra tình hình sâu bệnh hại trên cây sắn riêng, cây điều, cây tiêu, cây cà phê và các cây trồng khác trên địa bàn của tỉnh.

1.2 Chăn nuôi, thú y

Ngành chăn nuôi đã từng bước áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất; bước đầu hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi công nghiệp, trang trại quy mô lớn. Tổng đàn gia súc trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.062.442 con. Đàn gia cầm khoảng 10.875.510 con; trứng các loại khoảng 11.580.000 quả.

Tình hình dịch bệnh: Ngày 21/12/2018, phát hiện bệnh Cúm gia cầm A/H5N1 trên đàn gia cầm của 01 hộ tại xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, các đơn vị chức năng đã thực hiện tiêu hủy toàn bộ 215 con gà, đến nay không phát sinh gia cầm bị bệnh. Ngày 22/12/2018 phát hiện gia súc mắc bệnh Lở mồm long móng tại xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, qua kiểm tra có 44 con bò mắc bệnh/tổng đàn nguy cơ của xã Cư Bao là 1.556 con bò, các đơn vị chức năng đã hỗ trợ 30 lít hóa chất sát trùng và 800 liều vắc xin tiêm cho gia súc để bao vây, chống dịch, kết quả đến nay không phát sinh thêm ca bệnh mới, số gia súc mắc bệnh đã khỏi về triệu chứng.

Trong tháng, kiểm dịch xuất tỉnh được 70.552⁽²⁾ con gia súc, gia cầm; kiểm dịch nhập tỉnh được 583.986⁽³⁾ con gia súc, gia cầm.

¹ Trong đó: lúa 1.550 ha/1.550 TH đạt 100%, ngô 33.173 ha/33.173 ha TH đạt 100%, khoai lang 1.135 ha/1.135 ha TH đạt 100%, đậu xanh 28 ha/28 ha TH đạt 100%, đậu nành 1.122 ha/1.122 ha TH đạt 100%, đậu lạc 3.735 ha/3.735 ha TH đạt 100%, đậu các loại 7.907 ha/7.907 ha TH đạt 100%, rau xanh 2.619 ha/2.619 ha TH đạt 100%, cây hàng năm khác 2.265 ha/2.265 ha TH đạt 100%.

² Trâu 246 con, bò 903 con, heo 7.423 con, gà 48.950 con, Ngan + Vịt 12.930 con, Dê 100 con

³ Heo 42.616 con, gà 534.800 con, Ngan + Vịt 6.500 con, Dê 70 con.

1.3 Thủy sản

Hiện nay không tiến hành thả thêm giống để nuôi mà tập trung vào nuôi đàn cá đang có trong ao và dự định sẽ thu hoạch vào cuối năm âm lịch và Tết Nguyên Đán. Tổng số lồng nuôi cá nước lạnh 465 lồng, tổng số lồng nuôi cá trên hồ chứa 782 lồng. Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 38 tấn, đạt 2,2% KH.

1.4 Lâm nghiệp

Hiện nay, các đơn vị đã thực hiện trồng rừng năm 2018 được 2.958,4ha, đạt 281,8% KH 2018 và 229% diện tích đăng ký (*KH 2018 là 1.050 ha KH*) và đang triển khai các công tác để trồng rừng năm 2019. Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo các chủ rừng thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, PCCC, phát triển rừng; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Trong tháng, đã xảy ra 75 vụ vi phạm lâm luật, giảm 90 vụ so với tháng trước; lực lượng chức năng đã xử lý, tịch thu 100,861 m³ gỗ các loại và 31 phương tiện vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước 604,85 triệu đồng.

2. Công Thương

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt ước đạt 1.143,15 tỷ đồng, bằng 6,9% KH, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên thị trường ước thực hiện 6.387 tỷ đồng, tăng 2,98% so với tháng trước, tăng 11,56% so với cùng kỳ năm trước, đạt 8,75% kế hoạch năm. Nhìn chung, trong tháng 01/2019 tình hình thị trường trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, các siêu thị thường xuyên thực hiện các chương trình khuyến mại, kích cầu với lượng dự trữ đầy đủ, tăng lượng hàng bảo đảm nhu cầu tiêu thụ của người dân trong dịp Tết Nguyên đán, định hướng giá thị trường ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2019 giảm 0,24% so tháng 12/2018, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,59%.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện trong tháng là 50 triệu USD (⁴), đạt 8,1% KH và tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2018. So với cùng kỳ 2018, các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh như cà phê nhân, cà phê hòa tan, hạt điều, sản phẩm sắn đều giảm cả về lượng và giá trị; hạt tiêu tăng về lượng nhưng giảm về giá trị; sản phẩm ong và cao su tăng cả về lượng và giá trị. *Kim ngạch nhập khẩu* ước thực hiện 3 triệu USD; đạt 3,6% KH và tăng 25% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó chủ yếu là nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất và phân bón.

3. Xây dựng

Các ngành chức năng tổ chức thực hiện việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 01, 02 năm 2019 và công bố chỉ số giá xây dựng tháng 01 năm 2019 theo quy định; khảo sát, tổ chức thẩm định, thẩm tra hồ sơ, công trình, dự án trên địa bàn tỉnh đối với 41 hồ sơ, công trình. Cấp giấy phép xây dựng 07 công trình, giấy phép quy hoạch xây dựng cho 02 dự án. Thẩm định quy hoạch tổng mặt tỷ lệ 1/500 cho 07 dự án. Xem xét: phê duyệt chủ trương điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng. Báo cáo Bộ Xây dựng tình hình triển khai

⁴ Xuất khẩu cà phê nhân ước đạt 15.000 tấn, cà phê hòa tan ước đạt 600 tấn, Cao su xuất khẩu 800 tấn, hạt tiêu ước đạt 200 tấn, điều ước đạt 40 tấn, sản phẩm sắn ước đạt 1.500 tấn, sản phẩm ong ước đạt 1.000 tấn và các mặt hàng khác.

Nghị định 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ về việc xây dựng quản lý và sử dụng hệ thống tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; về kết quả thực hiện Quyết định 118/1996/QĐ-TTg, Quyết định 117/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở;...

4. Giao thông - Vận tải

Tiếp tục rà soát, kiểm tra hiện trường trên các quốc lộ, tỉnh lộ. Xác định các vị trí điểm đen, điểm mất an toàn giao thông, bổ sung biển báo hiệu. Trong tháng, khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 2.375 ngàn tấn, lượng hàng hoá luân chuyển đạt 349 triệu tấn.km; lượng vận tải hành khách đạt 10.005 ngàn lượt hành khách, lượng hành khách luân chuyển đạt 1.025 triệu lượt hành khách.km. Nhìn chung, dịch vụ vận tải đã đáp ứng các nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn trong tháng cao điểm chuẩn bị cho Tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019.

Triển khai công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tỉnh lộ, quốc lộ. Tổ chức kiểm định được 7.596 lượt phương tiện (PT), kết quả 6.420 PT đạt và 1.176 PT không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật. Tổ chức quản lý tốt công tác đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô, mô tô theo quy định⁽⁵⁾.

5. Tài nguyên, Môi trường

Công tác quản lý đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước được thực hiện đúng quy định⁽⁶⁾. Trong tháng, cấp 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, diện tích 122,24ha; 1.479 Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, diện tích 698,7ha. Lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh đã cấp GCNQSD đất lần đầu là 1.000.585,45ha/1.042.739ha, đạt tỷ lệ 95,96% diện tích cần cấp⁽⁷⁾.

Xem xét ban hành: 01 Quyết định phê duyệt bổ sung các danh mục công trình vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Buôn Đôn; 09 Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện Krông Bông, Krông Ana, Krông Búk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Pắc, Krông Năng, Ea Kar, M'Drăk; 09 Quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn các huyện M'Drăk, Buôn Đôn, Ea H'leo, Krông Ana, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột;...ban hành 03 Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); 03 Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM. Cấp 01 Giấy xác nhận Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án Thành phần 7, tỉnh Đắk Lắk thuộc hợp phần Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương...

⁵ Cấp mới 2.793 GPLX mô tô, 1126 GPLX ô tô, tỉ lệ đạt; cấp đổi giấy phép lái xe các hạng : 830 hồ sơ các hạng.

⁶ Xem xét:

- Thu hồi đất của 01 tổ chức với diện tích 57,7ha; cho 02 tổ chức thuê đất với diện tích 1,09 ha; cho phép 02 tổ chức chuyển mục đích sử dụng 1,09 ha từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Ký 05 Hợp đồng thuê đất, 02 Phụ lục Hợp đồng thuê đất;...

- Cấp 01 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho Công ty TNHH thương mại Tân Loan; 02 giấy phép thăm dò khai thác nước dưới đất của Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty CP ĐT và SX Trảng Tiền PLAZA và Công ty CP cao su Đắk Lắk; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với 02 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất với tổng số tiền 6.247.000 đồng.

- Phê duyệt kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2019; ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Trong đó: cấp cho tổ chức 603.985,65/609.475ha, đạt 99,1%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân 396.599,81ha/433.264ha, đạt 91,54%.

6. Tài chính - Ngân hàng

Trong tháng (đến ngày 24/01/2019), tổng thu cân đối NSNN thực hiện là 513,254 tỷ đồng, đạt 9,4% dự toán TW giao và 7,5% dự toán HĐND tỉnh giao (⁸); tổng chi ngân sách địa phương thực hiện là 1.178,735 tỷ đồng, đạt 8% dự toán TW giao và đạt 7,3% dự toán HĐND tỉnh giao (⁹).

Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã triển khai kịp thời, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các TCTD trên địa bàn thực hiện các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng do NHNN ban hành (¹⁰). Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 43.650 tỷ đồng; giảm 0,30% (giảm 131 tỷ đồng) so với tháng 12/2018. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước đạt 91.250 tỷ đồng, tăng 0,51% (tăng 465 tỷ đồng) so với tháng 12/2018; tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh ước đạt 4.340 tỷ đồng, giảm 0,69% so với tháng 12/2018.

7. Tình hình phát triển doanh nghiệp - Hợp tác xã (HTX):

Trong tháng, đã giải quyết thủ tục đăng ký thành lập mới cho 97 doanh nghiệp (DN) dân doanh; đăng ký hoạt động cho 10 Chi nhánh (trong đó có 08 CN của DN ngoài tỉnh). Giải quyết đăng ký thay đổi nội dung đăng ký DN cho 98 lượt DN, 29 đơn vị trực thuộc; xác nhận thay đổi nội dung đăng ký DN cho 55 DN, 12 đơn vị trực thuộc; giải quyết hồ sơ chuyển đổi loại hình cho 17 DN. Xử lý giải thể, chấm dứt hoạt động cho 13 DN, 20 đơn vị trực thuộc. Xác nhận tạm ngừng cho 143 DN, 12 đơn vị trực thuộc. Có 116 DN tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 7.552 DN đang hoạt động và có 754 doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh ngoài đăng ký thành lập và hoạt động hình thức chi nhánh tại Đắk Lắk, nếu tính cả các đơn vị này thì đến nay tổng số doanh nghiệp còn hoạt động trên địa bàn tỉnh là 8.306 DN, đạt 93,2% KH.

Trong tháng, có 04 HTX được thành lập mới (đạt 6,2% KH), lũy kế đến nay toàn tỉnh có 464 Hợp tác xã, LHHTX đã đăng ký, trong đó có: 370 HTX đang hoạt động, 90 HTX ngừng hoạt động, tồn tại hình thức, chờ giải thể và 03 HTX đã hoàn thiện xong thủ tục giải thể.

- *Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước*: Trong tháng, phê duyệt: Điều chỉnh quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Phê duyệt phương án cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk. Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea H'leo. Phê duyệt bổ sung dự toán chi phí CPH Công ty TNHH Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk

⁸ Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí: 378.181 triệu đồng, đạt 9% dự toán TW và 8,4% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu biện pháp tài chính: 91.870 triệu đồng, đạt 10,3% dự toán TW và 4,7% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó thu tiền sử dụng đất 77.954 triệu đồng đạt 11,1% dự toán TW và 4,5% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu thuế Xổ số kiến thiết: 12.534 triệu đồng, đạt 11,8% dự toán TW và dự toán HĐND giao. Thu thuế xuất nhập khẩu: 21.669 triệu đồng, đạt 15,9% dự toán TW và 15,5% dự toán HĐND giao.

⁹ Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 25.885 triệu đồng đạt 01% so với dự toán TW giao và 0,7% dự toán HĐND tỉnh giao. Chi thường xuyên: 1.152.167 triệu đồng, đạt 9,9% dự toán TW giao và 9,7% dự toán HĐND tỉnh giao. Chi thực hiện CTMTQG: 685 triệu đồng; đạt 0,1% dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao.

¹⁰ Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 24/12/2018.

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019 của Thống đốc NHNN về "tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2019" và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Chi nhánh năm 2019 theo Quyết định số 2603/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của Thống đốc NHNN và Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Lắc... Lũy kể đến nay, đã cổ phần hóa 03 công ty; Phê duyệt phương án sử dụng đất 12 Công ty; phê duyệt phương án cổ phần hóa 05 Công ty; Phê duyệt phương án chuyển đổi 07 Công ty thành Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Phê duyệt giá trị doanh nghiệp 07 Công ty; Phê duyệt phương án giải thể 03 Công ty; các Công ty còn lại đang hoàn thiện các thủ tục trình phê duyệt theo quy định.

Ban hành kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Triển khai chương trình "Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp" vào thứ 3 hàng tuần, tổ chức thành công Hội nghị đối thoại doanh nghiệp năm 2018.

8. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và kinh tế đối ngoại

8.1. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư

Trong tháng, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án với tổng số vốn đầu tư 274,04 tỷ đồng. Đang xem xét quyết định chủ trương đầu tư cho 03 dự án. Đồng thời, tiếp nhận 11 hồ sơ đăng ký đầu tư. Các đơn vị chức năng đã tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ và tiếp tục nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

8.2. Kinh tế đối ngoại

Trong tháng, các ngành chức năng đã giải quyết thủ tục cho 13 đoàn (22 lượt người nước ngoài) đến thăm, làm việc trên địa bàn tỉnh; 04 đoàn (06 cán bộ, công chức, viên chức) đi nước ngoài. Cho phép tổ chức 03 Hội thảo Quốc tế tại tỉnh; xem xét ban hành Kế hoạch Ngoại giao Văn hóa năm 2019 của tỉnh.

Xem xét: Điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nâng cao hiệu quả dự án Cấp nước thị xã Buôn Hồ từ nguồn vốn KOICA; rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài NSTW 02 năm 2019 – 2020 và năm 2019;... Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Big C Buôn Ma Thuột

9. Về đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB)

9.1 Tình hình giải ngân vốn kế hoạch đầu tư năm 2017 kéo dài thực hiện sang năm 2018

Đến ngày 31/12/2018, đã giải ngân 164,149 tỷ đồng/183,614 tỷ đồng, đạt 89,4% (Số vốn còn lại chưa giải ngân là: 19,465 tỷ đồng, trong đó: một số dự án thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương không còn nhu cầu để tiếp tục thực hiện và giải ngân, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn số 9655b/UBND-TH ngày 06/11/2018 đề nghị Trung ương điều chỉnh kế hoạch vốn để tăng vốn cho 01 dự án hoàn ứng số vốn ứng trước; một dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh chưa có nguồn để thực hiện giải ngân (Dự án đường Đông Tây Thành phố Buôn Ma Thuột), hoặc không còn nhu cầu để tiếp tục thực hiện và giải ngân...).

(Chi tiết tại biểu 1 kèm theo)

9.2. Tình hình giải ngân kế hoạch năm 2018

Tổng vốn XDCB thuộc NSNN (NSDP, NSTW hỗ trợ có mục tiêu (bao gồm vốn trong nước và ODA), TPCP, các Chương trình MTQG) và vốn ODA năm 2018 đã

giao kế hoạch là 3.883,244 tỷ đồng.

- Về giải ngân: Tổng số vốn 3.883,244 tỷ đồng, trong đó thực hiện dự án 3.189,716 tỷ đồng. Đã giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản được 1.931,244/3.189,716 tỷ đồng, đạt 60,55% kế hoạch (tăng 7,76% so với tháng trước), cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương: Đã giải ngân 931,444/1.101,211 tỷ đồng, đạt 84,58%;

+ Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước và ODA): Đã giải ngân 792,316/1.215 tỷ đồng, đạt 65,21%, trong đó: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn trong nước) đã giải ngân 280,715/315 tỷ đồng, đạt 89,12%; Nguồn vốn ODA, giải ngân 511,601/900 tỷ đồng, đạt 56,84%.

+ Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Đã giải ngân 60,693/679,040 tỷ đồng, đạt 8,94%, trong đó: Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học: Đã giải ngân 57,134/59,040 tỷ đồng, đạt 96,77%; Chương trình nông nghiệp nông thôn (Hỗ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột): Đã giải ngân 3,559 tỷ đồng/620 tỷ đồng, đạt 0,57%.

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (NSTW) đã giải ngân 146,791/194,465 tỷ đồng, đạt 75,48%.

(Chi tiết tại biểu 2 kèm theo)

Đánh giá chung về tình hình giải ngân: UBND tỉnh đã có nhiều nội dung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn để đẩy nhanh kết quả giải ngân vốn đầu tư. Nhìn chung các đơn vị đang triển khai thực hiện và giải ngân theo kế hoạch đề ra, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân một số nguồn vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất thấp so với kế hoạch đề ra và thấp hơn cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Thời tiết năm 2018 mưa sớm và từng đợt mưa kéo dài kéo dài, dẫn đến việc triển khai xây dựng, sửa chữa các công trình gặp nhiều khó khăn. Hầu hết các tuyến đường giao thông đang triển khai bị lầy lội, không thi công được. Từ đó dẫn đến chưa có khối lượng để giải ngân thanh toán.

- Do một số nguồn vốn do phải chờ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện (Vốn đầu tư thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững: Quy trình hồ sơ còn nhiều phức tạp và kéo dài, dẫn đến việc phê duyệt hồ sơ và triển khai dự án còn chậm, đồng thời các huyện, thị xã và thành phố còn chủ quan trong việc lập hồ sơ báo cáo ĐXCĐT danh mục dự án, hồ sơ đề xuất của nhiều đơn vị chưa đạt yêu cầu cần phải chỉnh sửa lại. Sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án, UBND các huyện, thị xã và thành phố còn chậm triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo theo gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công, dẫn đến việc giải ngân vốn đầu tư năm 2018 còn thấp.

- Một số công trình do phải thực hiện các thủ tục đầu tư XD CB chậm nên chưa thể đấu thầu xây lắp để triển khai dự án. Một số chủ đầu tư chưa tích cực, chậm thực hiện các thủ tục để triển khai các gói thầu, dự án mới.

- Một số vướng mắc khác trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư

công năm 2018:

- + Khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.
- + Còn có tình trạng chủ đầu tư chưa tích cực chủ động giải ngân, chậm lập và hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục thanh toán các dự án đã được bố trí vốn, công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, dự án hoàn thành quyết toán. Một số dự án đang trong quá trình điều chỉnh thiết kế, dự toán gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân thanh toán vốn; công tác phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn thuộc một số chương trình mục tiêu còn chậm so với yêu cầu.

9.3. Tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019

- Tính đến ngày 23/01/2019, tổng nguồn vốn XDCB thuộc NSNN năm 2019 đã giao kế hoạch là 3.248,790 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- + Nguồn vốn ngân sách địa phương: 2.877,030 tỷ đồng, giao tại Quyết định 3636/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh;
- + Nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia (NSTW): 371,760 tỷ đồng, giao tại Quyết định 3491/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh;

Hiện nay, các đơn vị đang tiến hành các thủ tục thực hiện và giải ngân theo quy định.

9.4 Công tác giám sát đánh giá đầu tư và giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu

Trong tháng, cơ quan thẩm định cấp tỉnh đã tiến hành thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 17 dự án; thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đối với 12 dự án.

II. LĨNH VỰC KHOA GIÁO - VĂN XÃ

1. Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức Cuộc thi khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học tỉnh Đắk Lắk năm học 2018-2019 (có 138 dự án/59 đơn vị tham gia dự thi). Kết quả Ban Tổ chức đã trao 99 giải thưởng cho các dự án, sản phẩm xuất sắc, mang tính thực tiễn cao. Tổ chức thi học sinh giỏi THPT Quốc gia năm học 2018-2019 tại trường THPT chuyên Nguyễn Du (có 68 học sinh tham dự). Tổ chức Hội thao Giáo dục Quốc phòng – An ninh học sinh trung học phổ thông tỉnh Đắk Lắk lần thứ V, năm học 2018-2019... Kiểm tra hồ sơ công nhận lại các huyện, thị xã và thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2018⁽¹⁾; Kiểm tra công nhận thư viện đạt chuẩn tại trường THPT Quang Trung, THPT Phan Đình Phùng; Kiểm tra cấp phép dạy thêm, học thêm tại huyện Ea Kar, Krông Pắc;...

¹ + Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 184/184 xã, phường, thị trấn, 15/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học có 37 xã phường đạt mức độ 2, 147 xã, phường đạt mức độ 3; 11/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, 4/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 3, toàn tỉnh đạt mức độ 2.

+ Phổ cập giáo dục THCS có 76 xã phường đạt mức độ 1, 45 xã phường đạt mức độ 2, 63 xã, phường đạt mức độ 3; 11/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 1, 4/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2; toàn tỉnh đạt mức độ 1.

Xóa mù chữ: 49 xã phường đạt mức độ 1, 135 xã đạt mức độ 2; 10/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 1, 5/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, toàn tỉnh đạt mức độ 1.

2. Y tế

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được duy trì thực hiện khá tốt. Tuyên truyền về phòng bệnh mùa đông xuân, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán, thông tin về triển khai tiêm vắc xin ComBE Five cho trẻ trong độ tuổi tiêm chủng. Công tác kiểm tra và giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm triển khai thường xuyên; tình hình đảm bảo chất lượng thuốc trong tình ổn định, đạt yêu cầu.

Trong tháng, ghi nhận 08 ca mắc sốt xuất huyết, số mắc ghi nhận tại thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện: Krông Pắc, Krông Ana, Krông Năng, Cư Kuin, Buôn Đôn; 06 ca bệnh Tay chân miệng, số mắc ghi nhận tại thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Ea H'Leo, Krông Ana, Ea Kar, Cư Kuin. Số mắc HIV/AIDS/Tử vong mới phát hiện tương ứng là 7/7/1.

* **Bảo hiểm xã hội:** Trong tháng, số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.568.437 người, thu 150 tỷ đồng. Tổng số tiền chi trong tháng là 354,578 tỷ đồng. Tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN trong tháng là 110 tỷ đồng.

3. Văn hóa, Thể thao - Du lịch

Xây dựng Kế hoạch trình diễn đúc chiêng và Kế hoạch tổ chức nghi lễ, lễ hội truyền thống trong Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột năm 2019. Tổ chức Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh Khu tượng đài Thành Quả, Đoàn 333 – Quân khu V, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar; đón nhận Bằng xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh: Di tích Đồn điền Rossi, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ và Di tích Địa điểm lưu niệm Trần chiến đấu phòng ngự chốt Buôn Tring năm 1973, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ. Xây dựng Kế hoạch đón nhận Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột... Tổ chức các hoạt động tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019⁽¹²⁾; tuyên truyền ngày chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk (10/3); tranh cổ động Lễ hội cà phê BMT lần thứ 7 năm 2019.

Ban hành Điều lệ giải Đua thuyền nam truyền thống huyện Krông Ana năm 2019. Tham gia thi đấu các giải thể thao toàn quốc⁽¹³⁾.

Trong tháng, ngành Du lịch đón khoảng 79.000 lượt khách, đạt 8,32% KH, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2018⁽¹⁴⁾. Doanh thu du lịch ước đạt 80 tỷ đồng, đạt 125% so với tháng 12/2018, đạt 7,62% KH. Triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác chuẩn bị phục vụ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Triển khai Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội thi Ẩm thực Tây Nguyên tại Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019.

4. Thông tin - Truyền thông và Phát thanh - Truyền hình

Tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính, Viễn thông ổn định, cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển và mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng

¹² Tổ chức 24 buổi chiếu phim lưu động thu hút hơn 5.100 lượt người xem và 14 xuất chiếu phim tại rạp phục vụ hơn 610 lượt khán giả; biểu diễn 27 buổi văn nghệ tổng hợp; Đội Nghệ thuật múa rối biểu diễn 03 buổi phục vụ cơ sở. Thư viện tỉnh phục vụ 10.987 lượt bạn đọc, với 32.961 lượt sách báo luân chuyển; cấp mới 358 thẻ bạn đọc;...

¹³ Tham gia giải Vô địch Việt dã leo núi toàn quốc "Chinh phục đỉnh cao Bà Rá" năm 2019; giải Bóng đá "Mừng Đảng mừng Xuân" tỉnh Tây Ninh năm 2019...

¹⁴ Trong đó: 7.000 lượt khách quốc tế, tăng 12,9% so với cùng kỳ 2018; khách trong nước ước đạt 72.000 lượt, tăng 18,4% so với cùng kỳ 2018.

nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Tiến hành các giải pháp để đẩy mạnh việc sử dụng phần mềm iDesk và iGate trong xử lý công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Vận hành duy trì Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk, Cổng thông tin hành chính một cửa tỉnh Đắk Lắk, Trang thông tin điện tử các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung liên quan đến Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019. Triển khai công tác tuyên truyền góp phần đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước¹⁵).

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã sản xuất 1.871 tin; 713 phóng sự, tổ chức 13 cuộc phát thanh trực tiếp; sản xuất phát sóng 39 chuyên mục trên sóng phát thanh; tiếp phát sóng truyền thanh được 1.249^h30'. Sản xuất 1.494 tin; 626 phóng sự phát sóng truyền hình trong các chuyên trang, chuyên mục và các chương trình thời sự hàng ngày; tổ chức 03 cuộc truyền hình trực tiếp; sản xuất phát sóng 51 chuyên mục trên sóng truyền hình; phát sóng truyền hình được 11.315^h.

5. Lao động, Thương binh và Xã hội

Trong tháng, đã tư vấn việc làm, nghề nghiệp và các chế độ chính sách cho 1.387 lượt người; giới thiệu việc làm cho 185 lượt người; Cấp 02 Giấy phép lao động cho người nước ngoài. Xem xét chủ trương liên kết đào tạo của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tham dự Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2019 ...

Giải quyết chế độ đối với 155 hồ sơ người có công, thân nhân người có công và các đối tượng khác đủ điều kiện. Ban hành kế hoạch kinh phí thăm, tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công, đối tượng xã hội, các tập thể nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019. Ban hành Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018: Kết quả: Tỷ lệ hộ nghèo năm 2018 giảm 2,56% so với năm 2017, từ 15,37% xuống còn 12,81%. Trình Bộ Lao động – TBXH, Bộ Tài chính hỗ trợ gạo cho tỉnh Đắk Lắk để cứu đói nhân dân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 cho 8.869 hộ, 28.741 khẩu, với 431.115 tấn gạo. Ban hành kế hoạch triển khai Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025; kế hoạch triển khai Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện của trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025.

6. Khoa học và Công nghệ (KH&CN)

Trong tháng, hướng dẫn bảo hộ và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho 04 tổ chức, cá nhân; hướng dẫn lập hồ sơ cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 02 tổ chức, 02 cá nhân. Thực hiện kiểm định 288 phương tiện đo, gồm kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường, các phương tiện đo đều đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn và phối hợp quản lý 17 đề tài/dự án cấp quốc gia, trong đó 08 dự án nông thôn miền núi (NTMN), các nhiệm vụ đang triển khai cơ bản đảm bảo theo đúng nội dung Thuyết minh đã phê duyệt. Quản lý 01 dự án NTMN ủy quyền cho địa phương. Phối hợp hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ kinh phí đối ứng 02

¹⁵ Như: 73 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của Quốc hội Việt Nam (06/01/1946-06/01/2019); ngày Học sinh – sinh viên Việt Nam (09/01); Ngày Việt Nam gia nhập WTO (11/01); 46 năm Ngày Ký hiệp định Pari về lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01/1973-27/01/2019);....

nhiệm vụ cấp thiết địa phương năm 2019. Thực hiện 27 đề tài/dự án KH&CN chuyên tiếp và 16 đề tài mở mới năm 2018 cấp tỉnh.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, NỘI VỤ

1. Nội vụ

Thực hiện công tác cán bộ, công tác tiếp nhận, thỏa thuận, điều động⁽¹⁶⁾; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng bậc lương⁽¹⁷⁾ theo đúng quy định. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập cho 07 đơn vị. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy một số đơn vị, tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao⁽¹⁸⁾. Công tác xây dựng chính quyền⁽¹⁹⁾; quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ được thực hiện đúng quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thanh niên trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; thi đua khen thưởng⁽²⁰⁾ được quan tâm triển khai thực hiện theo quy định.

2. Tư pháp

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), quản lý xử lý vi phạm hành chính đã tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện: góp ý, có ý kiến đối với 12 dự thảo văn bản; thẩm định 02 dự thảo văn bản QPPL, cập nhật 17 văn bản lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, đặc biệt đã công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 02 (năm 2014 - 2018). Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã chú trọng tuyên truyền các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến người dân: phát hành 3.500 cuốn Bản tin Tư pháp số 01/2019. Công tác hành chính tư pháp đã chú trọng tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được tăng cường; việc cấp Phiếu LLTP được thực hiện kịp thời, đúng quy định, nhận được sự hài lòng của công dân: đã giải quyết 983 trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) đã tập trung duy trì hoạt động tham gia tố tụng và truyền thông về TGPL, qua đó kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đối tượng thụ hưởng chính sách TGPL⁽²¹⁾...

3. Thanh tra

Trong tháng, ngành Thanh tra tỉnh Đắk Lắk đã triển khai 40 cuộc thanh tra hành chính và 66 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã

¹⁶ Điều động công chức 01 trường hợp; thỏa thuận điều động viên chức trong tỉnh 02 trường hợp; quyết định nghỉ hưu 01 trường hợp.

¹⁷ Cử viên chức đi học sau đại học 08 trường hợp; thỏa thuận cử viên chức đi ôn tập và dự thi sau đại học 01 trường hợp.

Quyết định phê duyệt kết quả đạt xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với 409 viên chức chuyên ngành y tế 2018; quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương 01 trường hợp; chuyển ngạch và xếp lương 09 trường hợp; nâng bậc lương có thông báo nghỉ hưu 01 trường hợp; thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn 12 trường hợp.

¹⁸ Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Đắk Lắk (Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Đắk Lắk). Quyết định thành lập Hội đồng và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng thẩm định mua hiện vật trưng bày tại Bảo tàng tỉnh;...

¹⁹ Xem xét phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ, nhiệm kỳ 2016 – 2021; ban hành Kế hoạch về nhu cầu bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở xã năm 2019... Tiếp tục tổng hợp hồ sơ công nhận xã an toàn khu, vùng an toàn khu; thực hiện Dự án 513; tổng hợp hồ sơ phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

²⁰ Phát động thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2019; Trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước Quyết định truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" cho 21 bà mẹ. Trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho 93 tập thể, 53 cá nhân.

²¹ Đã thực hiện 36 vụ việc cho 36 lượt người.

phát hiện sai phạm với tổng số tiền 10.217 triệu đồng⁽²²⁾, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 8.397 triệu đồng⁽²³⁾, kiến nghị giảm trừ quyết toán 1.179 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 641 triệu đồng; đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 5.341 triệu đồng⁽²⁴⁾.

Thanh tra các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp 43 lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, với 41 vụ việc; tổng số đơn phải xử lý là 120 đơn, trong đó có 61 đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý, nội dung chủ yếu tập trung vào công tác quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách...⁽²⁵⁾.

4. Công tác Cải cách hành chính (CCHC)

Chuẩn bị công tác xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Ban hành Quyết định Thành lập Tổ tự chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh⁽²⁶⁾ và chỉ đạo cơ quan chức năng ban hành Quyết định thành lập Tổ điều tra xã hội học kiểm chứng các tiêu chí Chỉ số cải cách hành chính năm 2018⁽²⁷⁾, Quyết định thành lập Tổ thẩm định và Tổ thư ký xác định Chỉ số CCHC năm 2018⁽²⁸⁾. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao về CCHC năm 2018 và kết quả thực hiện nội dung khả năng sẽ làm mất điểm Chỉ số CCHC của tỉnh.

Tổ chức thực hiện Chương trình “Dân hỏi – Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” tháng 01/2019 về chủ đề: “*An toàn vệ sinh thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh*”.

5. An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh biên giới được giữ vững. Các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; chủ động xử lý các tình huống, nên không để xảy ra bị động, bất ngờ; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các hoạt động lễ, hội và các sự kiện quan trọng khác của tỉnh.

- Phát hiện, điều tra 57 vụ, 57 đối tượng vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, tăng 39 vụ so với tháng 12/2018; chủ yếu vi phạm các quy định trong hoạt động kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Phát hiện, điều tra 99 vụ, 90 tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, tăng 44 vụ so với tháng 12/2018.

- Xảy ra 142 vụ xâm phạm trật tự an toàn xã hội, tăng 29 vụ so với tháng trước. Phát hiện, bắt giữ 39 vụ, 48 đối tượng phạm tội về ma túy, tăng 18 vụ so với tháng 12/2018.

- Xảy ra 46 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm chết 26 người, bị thương 36 người, hư hỏng 67 phương tiện các loại (tăng 19 vụ, tăng 15 người bị thương, 10 người chết so với tháng 12/2018); tuần tra kiểm soát, phát hiện, lập biên bản 6.578

²² Trong đó 9.639 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 578 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

²³ Trong đó 7.819 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 578 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

²⁴ Trong đó 5.164 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 177 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

²⁵ Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo: đang giải quyết 07 đơn/07 vụ việc.

²⁶ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh.

²⁷ Quyết định số 28/QĐ-SNV ngày 08/01/2019 của Sở Nội vụ

²⁸ Quyết định số 40/QĐ-SNV ngày 16/01/2019 của Sở Nội vụ

trường hợp vi phạm an toàn giao thông, xử phạt 6.374 trường hợp, thu nộp Kho bạc nhà nước 4,2 tỷ đồng.

- Xảy ra 13 vụ cháy tại các huyện Ea Súp (06 vụ), Ea Kar (02 vụ), Buôn Đôn, Krông Búk, Krông Pắc, Krông Bông và Ea Kar mỗi nơi 01 vụ, làm 01 người bị thương, cháy 176 ha mía trong kỳ thu hoạch, thiệt hại ước khoảng 125 triệu đồng. Xảy ra 07 vụ tự tử (07 người chết); chết đuối 02 vụ (02 người chết).

***ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã triển khai giao Kế hoạch năm 2019 ngay từ những ngày cuối năm 2018 (Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 28/12/2018), đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk năm 2019. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 01/2019 đã đạt được một số kết quả khả quan, hoạt động bán lẻ hàng hóa và kinh doanh dịch vụ trong tháng diễn ra sôi động, nguồn cung hàng hóa phục vụ Tết Nguyên Đán đảm bảo, hạn chế tăng giá trong dịp Tết; số lượt khách du lịch trong và ngoài nước tăng so với cùng kỳ; các hoạt động văn hóa, thể thao, tuyên truyền được đẩy mạnh phục vụ nhu cầu về tinh thần của nhân dân; an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng. Tuy nhiên, số vụ xâm phạm trật tự an toàn xã hội và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế và môi trường, tai nạn giao thông đều tăng so với tháng 12/2018; tình trạng vi phạm về tài nguyên rừng còn diễn ra phức tạp; kết quả giải ngân các nguồn vốn đầu tư XDCB còn chậm.

B- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 02/2019

1. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan

Nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh:

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp lại, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Kiến nghị xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp các Công ty theo mô hình mới, sớm đi vào hoạt động có hiệu quả.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển. Triển khai các hoạt động hỗ trợ kinh tế tập thể theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Luật hỗ trợ DNNVV, phối hợp Hiệp hội doanh nghiệp, các đơn vị có liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tỉnh Đắk Lắk năm 2019. Tham mưu công tác hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực Nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 về chính sách khuyến

khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án có sử dụng đất để sớm triển khai thực hiện.

Tham mưu xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2019.

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn. Tham mưu điều chuyển kịp thời vốn đầu tư các công trình không có khả năng giải ngân để đảm bảo tỷ lệ giải ngân cao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn người dân lựa chọn những cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương, xu hướng phát triển của thị trường và tình hình biến đổi khí hậu.

Tập trung triển khai thu hoạch vụ Thu - Đông năm 2018, sản xuất vụ Đông - Xuân 2018-2019. Tăng cường phòng, chống dịch trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là đặc biệt Bệnh Cúm gia cầm A/H5N1 tại huyện Krông Pắc và Bệnh Lở mồm long móng gia súc trên địa bàn xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ. Tiếp tục phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững.

Tăng cường phối hợp với các đơn vị chủ rừng và các ngành chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát ở những điểm nóng về phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, đặc biệt là các huyện biên giới, vùng giáp ranh với các tỉnh bạn để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng và trong dịp Tết Nguyên đán sắp đến; tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát, trực gác lửa rừng, bố trí lực lượng, dụng cụ, phương tiện sẵn có để sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng...

Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến thời tiết trong thời điểm hiện nay để có cảnh báo kịp thời cho các địa phương nhằm có giải pháp ứng phó. Sẵn sàng ứng phó kịp thời, xử lý có hiệu quả các sự cố thiên tai và thực hiện hiệu quả công tác cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân. Rà soát các hồ đập trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh năm 2019.

4. Sở Công thương

Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quy định về "một cửa liên thông" trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019. Tiếp tục nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - thương mại trên địa bàn, chỉ đạo kịp thời các ngành liên quan tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp trong đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm thực hiện tốt kế hoạch năm 2019. Phối hợp với các ngành theo dõi tình hình chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Ban quản lý các Dự án nhà máy thủy điện tăng cường công tác kiểm tra an toàn các hồ, đập và kế hoạch điều tiết nước các công trình thủy điện nhằm đảm bảo phát điện và phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân.

5. Sở Xây dựng

Triển khai Quyết định số 1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về thực hiện Quyết định 950/QĐ-TTg Đề án phát triển đô thị thông minh. Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu để chuẩn bị cho việc lập quy hoạch của tỉnh giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050; đánh giá tình hình thực hiện, xây dựng nội dung định hướng Quy hoạch phát triển Vật liệu xây dựng để tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu lập chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030. Công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tháng 02/2019. Thực hiện các nhiệm vụ khác của ngành Xây dựng.

6. Sở Giao thông Vận tải

Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh theo phân cấp; kiểm tra các công trình sửa chữa trên các quốc lộ, tỉnh lộ. Tiếp tục tăng cường quản lý các cơ sở đăng kiểm và cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật. Chú trọng công tác bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, kiểm tra xử lý xe quá tải trên các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ được giao.

7. Sở Tài Nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác cấp GCNQSD đất. Hoàn thiện, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đôn đốc UBND cấp huyện hoàn thiện Thống kê đất đai năm 2019; tổng hợp, dự thảo báo cáo của UBND tỉnh kết quả Thống kê đất đai năm 2019 cấp tỉnh trình Bộ Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện phương án sử dụng đất đối với diện tích đất các Công ty nông, lâm nghiệp giao về địa phương quản lý; tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Trình UBND tỉnh phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2024.

Tổng hợp báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại UBND huyện Cư M'gar; kết quả thanh tra việc quản lý, sử dụng đất, tiến độ sử dụng đất tại 11 dự án nông lâm nghiệp;...

8. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh

- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách; tăng cường quản lý thu, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các loại thuế, phí theo quy định, nộp vào ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ chi NSNN, sử dụng NSNN đảm bảo đúng chế độ quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh xử lý nhanh thủ tục giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo thi học sinh giỏi cấp huyện. Tổ chức Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi THCS cấp tỉnh năm 2019. Tổ chức Cuộc thi "Tìm hiểu lịch sử Đảng" dành cho học

sinh, sinh viên; chỉ đạo triển khai Cuộc thi trực tuyến "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Hướng dẫn ôn tập thi THPT Quốc gia năm 2019. Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện đề án "Hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"; tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực, cơ sở giáo dục đào tạo theo quy định.

10. Sở Lao Động, Thương binh và Xã hội

Tiếp tục thực hiện công tác việc làm - an toàn lao động, công tác lao động - tiền lương - bảo hiểm xã hội đúng quy định. Tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai Tháng hành động An toàn, vệ sinh lao động năm 2019. Xây dựng dự toán, kế hoạch xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề đào tạo trình độ sơ cấp; kế hoạch đào tạo nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 tầm nhìn 2030;... Ban hành văn bản chỉ đạo cho các huyện, cơ sở giáo dục nghề nghiệp về việc xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề tại địa phương năm 2019.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; các chính sách người có công; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác cứu đói dịp giáp hạt năm 2019; thực hiện tốt giảm nghèo và công tác phòng chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Y tế

Tập trung thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, xử lý, tổng hợp tình hình dịch bệnh tại các địa phương. Tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa một số bệnh tại cộng đồng như phòng bệnh tiêu chảy cấp, sốt xuất huyết, các bệnh thường gặp trong mùa Đông xuân, phòng ngừa tác hại của thuốc lá. Thúc đẩy việc triển khai thực hiện Chiến dịch truyền thông dân số năm 2019 cho các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm tra vệ sinh nước sạch, nước ăn uống đợt 1, năm 2019. Triển khai thực hiện các hoạt động của ngành y tế theo kế hoạch.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tiếp tục xây dựng Kế hoạch kiểm kê Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch đón bằng công nhận di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Buôn Ma Thuột, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột; Kế hoạch trình diên đức chiêng và Kế hoạch tổ chức nghi lễ, lễ hội truyền thống trong lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột năm 2019. Tổ chức Hội Xuân đình Lạc Giao tuyên truyền "Mừng Đảng, mừng Xuân" năm Kỷ Hợi 2019; tổ chức các hoạt động trải nghiệm dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 tại Bảo tàng tỉnh. Tiếp tục tổ chức Chương trình biểu diễn Văn hóa Cồng chiêng phục vụ Nhân dân địa phương và du khách năm 2019. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh, nội dung cho trưng bày chuyên đề: "44 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột - Những chặng đường lịch sử" phục vụ Festival Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 - năm 2019 và chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 - năm 2019.

Tổ chức giải Đua thuyền nam truyền thống huyện Krông Ana năm 2019.- Xây dựng Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội thao Công nhân, viên chức, lao động tỉnh năm 2019; Kế hoạch phối hợp tổ chức giải Việt dã tỉnh năm 2019. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019. Triển

khai công tác chuẩn bị đăng cai tổ chức các giải thể thao toàn quốc năm 2019.

Triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, hoạt động trong Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019. Xây dựng Kế hoạch và tiến hành khảo sát đánh giá nguồn nhân lực du lịch (đã được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ) trên địa bàn tỉnh. Phối hợp tổ chức “Lớp bồi dưỡng và thi nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa và quốc tế” cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ lữ hành.

13. Sở Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục theo dõi, quản lý 17 đề tài/dự án cấp quốc gia; quản lý theo dõi các dự án NTMN, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch theo Quyết định 2440/QĐ-BKHCN ngày 27/8/2018; tiếp tục theo dõi, quản lý các nhiệm vụ, đề tài chuyển tiếp năm 2018 và mở mới năm 2019. Tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn giao trực tiếp đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2018. Tổ chức Hội đồng kiểm tra giữa kỳ các đề tài triển khai năm 2017. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN; quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

14. Thanh tra tỉnh

Triển khai thực hiện tốt Chương trình, kế hoạch công tác thanh tra năm 2019. Chỉ đạo các Đoàn thanh tra triển khai từ kỳ trước hoàn thành việc tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra, tham mưu Thủ trưởng cơ quan cùng cấp hoặc Chánh Thanh tra Kết luận thanh tra theo quy định. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Tăng cường kiểm tra, theo dõi nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp. Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

15. Sở Tư pháp

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2019; trình Chủ tịch UBND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh Danh mục văn bản QPPL quy định chi tiết Luật; góp ý Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp. Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, địa phương và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện các thủ tục hành chính... Tiếp tục thực hiện tốt công tác góp ý, thẩm định, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành, có liên quan đến đời sống của nhân dân ở cơ sở. Thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý, cấp phiếu Lý lịch tư pháp;...

16. Sở Nội vụ

Tổ chức thực hiện Chương trình “Dân hỏi, thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” chủ đề tháng 02/2019; báo cáo UBND tỉnh Chỉ số CCHC năm 2018 của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tiếp tục tổng hợp tài liệu kiểm chứng xác định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018. Tổ chức họp Tô tự chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh. Tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo tự chấm điểm và tài liệu kiểm chứng xác định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018. Chuẩn bị nội dung tổ chức cuộc họp Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh năm 2018. Thực hiện các nhiệm vụ khác

của ngành nội vụ theo kế hoạch.

17. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

Tăng cường lực lượng bám sát các địa bàn trọng điểm nắm tình hình, quản lý chặt hoạt động của các đối tượng liên quan ANQG; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các đối tượng chống đối chính trị. Tăng cường tuần tra, quản lý biên giới, các địa bàn trọng điểm. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, biện pháp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn giao thông; duy trì tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện, mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến tỉnh.

C- MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị các chủ đầu tư thực hiện tốt công tác chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định và theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 3043/STC-QLNS ngày 24/12/2018 về việc hướng dẫn xử lý nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau, Công văn số 1562/KBĐL-KSC ngày 27/12/2018 của Kho bạc Nhà nước tỉnh và Công văn số 71/SKHĐT-TH ngày 14/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố: Triển khai công tác thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm 2019, đảm bảo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế xã hội đã đề ra và giải ngân hết kế hoạch năm 2019 được giao.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 01 và một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 02/2019. Ngoài các nhiệm vụ đề ra tại Báo cáo này, đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kết luận của UBND tỉnh trong Hội nghị để cụ thể hóa thành những nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị mình, triển khai thực hiện đạt kết quả cao nhất và báo cáo UBND tỉnh đúng thời gian quy định. / *me*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- HU, HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Các Chủ đầu tư dự án;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TH.



GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Hà

Biểu 1

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN CÁC NGUỒN VỐN NĂM 2017 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2018 ĐẾN 31/12/2018

(Kèm theo Báo cáo số 224 /BC-SKHĐT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Sở KH&ĐT tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2017kỳ thời gian thực hiện sang năm 2018	Giải ngân đến 31/12/2018	Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ đã giải ngân	Ghi chú
	TỔNG SỐ	183.614	164.149	19.465	89,4	Chi tiết danh mục dự án tại biểu 1.1
A	Cấp tỉnh quản lý (I+II+III)	151.267	133.965	17.302	88,6	
I	Vốn đầu tư từ NSDP	56.042	44.390	11.652	79,2	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	36.485	34.965	1.520	95,8	
	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư (Y tế, xã hội)	5.220	3.324	1.896	63,7	
2						
3	Thu tiền sử dụng đất	6.337	6.101	236	96,3	
4	Nguồn khác	8.000	0	8.000	0,0	
II	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	30.555	25.051	5.504	82,0	
1	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	1.285	1.285	0	100,0	
2	Chương trình phát triển KTXH các vùng	20.207	14.718	5.489	72,8	Đã điều chỉnh giảm
3	Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	1.015	1.000	15	98,5	Đã điều chỉnh giảm
4	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	8.000	8.000	0	100,0	
5	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	48	48	0	100,0	
III	Nguồn vốn dự phòng NSTW	5.057	4.956	101	98,00	
IV	Vốn đầu tư cho các dự án từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	59.613	59.568	45,061	99,9	
1	Chương trình Kiên cố hóa trường lớp mẫu giáo, tiểu học	53.309	53.264	45,061	99,9	
2	Thủy lợi	6.304	6.304	0	100,0	
B	Cấp huyện quản lý	32.347	30.184	2.163	93,3	
II	NSTW - Vốn Chương trình MTQG	32.347	30.184	2.163	93,3	

Biểu 2

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐÃ GIAO KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN ĐẾN 23/01/2019

(Kèm theo Báo cáo số 224/BC-SKHĐT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Sở KH&ĐT tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Vốn đầu tư phát triển	Ngân sách tỉnh quản lý	Thực hiện dự án Ngân sách tỉnh quản lý	Giải ngân đến 23/01/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 23/01/2019	Ghi chú
	Tổng cộng	3.883.244	3.883.244	3.320.044	3.189.716	1.931.244	60,55	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5)	1.776.811	1.776.811	1.213.611	1.101.211	931.444	84,58	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	882.910	882.910	834.910	834.910	707.326	84,72	
2	Thu tiền sử dụng đất	674.000	674.000	176.800	109.400	108.829	99,48	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư (Y tế, giáo dục)	130.000	130.000	112.000	112.000	78.519	70,11	
4	Nguồn vốn bán nhà (8.881 triệu đồng) và TP BMT hoàn trả tiền vay tín dụng ưu đãi (6.000 triệu đồng)	14.881	14.881	14.881	14.881	6.750	45,36	
5	Chi đầu tư từ nguồn vay bội chi (thông báo sau nêu phát sinh vay trong năm 2018)	45.000	45.000	45.000				
6	Ứng trước nguồn vốn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2017 cho đường Đông Tây, TPBMT	30.020	30.020	30.020	30.020	30.020	100,00	
II	NGUỒN VỐN NS TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ	1.232.928	1.232.928	1.232.928	1.215.000	792.316	65,21	
1	Vốn trong nước	332.928	332.928	332.928	315.000	280.715	89,12	
-	Chương trình phát triển KTXH vùng	114.517	114.517	114.517	114.517	98.240	85,79	
-	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA	93.743	93.743	93.743	93.743	81.351	86,78	
-	Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	14.640	14.640	14.640	14.640	9.360	63,93	
-	Chương trình mục tiêu cấp diện nông thôn, miền núi và hải đảo	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	100,00	
-	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	100,00	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	100,00	
-	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp-việc làm và An toàn lao động	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	100,00	



STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Vốn đầu tư phát triển	Ngân sách tỉnh quản lý	Thực hiện dự án Ngân sách tỉnh quản lý	Giải ngân đến 23/01/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 23/01/2019	Ghi chú
-	Chương trình mục tiêu phát triển Văn hóa	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	100,00	
-	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	20.900	20.900	20.900	20.900	20.900	100,00	
-	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng	19.800	19.800	19.800	19.800	19.464	98,30	
-	Chương trình Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ	17.928	17.928	17.928				
2	Vốn nước ngoài	900.000	900.000	900.000	900.000	511.601	56,84	
III	Vốn trái phiếu Chính phủ	679.040	679.040	679.040	679.040	60.693	8,94	
1	Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên	59.040	59.040	59.040	59.040	57.134,00	96,77	
2	Thủy lợi	620.000	620.000	620.000	620.000	3.559,00	0,57	
IV	Vốn Chương trình MTQG	194.465	194.465	194.465	194.465	146.791	75,48	

Biểu 3: BÁO CÁO THÁNG 01/2019 - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Báo cáo số: 224/BC-SKHĐT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
1	CỤC THỐNG KÊ								
1.1	Giá trị sản xuất								
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	16.500	1.113,0	1.143,1	1.033,5	6,9	110,61	102,71
1.2	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Ngàn tấn			2.375,00	2.008,00		118,28	
	Khối lượng hàng hóa luân chuyển	triệu tấn.km			348,72	334,10		104,38	
	Khối lượng hành khách vận chuyển	Ngàn HK		9.660,00	10.005,00	8.392,00		119,22	103,57
	Khối lượng hành khách luân chuyển	triệu HK.km		991,60	1.024,95	860,29		119,14	103,36
2	SỞ TÀI CHÍNH								
2.1	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	6.810		513,254		7,5		
2.2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	16.165		1.178,74		7,3		
3	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH								
3.1	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	49.448	43781	43650		88,3		
3.2	Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ đồng	107.535	90785	91250		84,9		
3.3	Thực hiện cho vay các chương trình tín dụng:								
	- Dư nợ cho vay theo các chương trình tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội	Tỷ đồng	4.696		4.340		92,4		
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT								
4.1	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1.184.500						
	Trong đó:								
	- Thóc	Tấn	560.500						
	- Cà phê nhân	Tấn	445.000						
	- Cao su mù khô	Tấn	32.200						
	- Hạt điều	Tấn	22.000						

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
	- Hồ tiêu	Tấn	65.100						
	- Lạc vò	Tấn	9.800						
	- Mía cây	Tấn	1.330.000						
	- Đậu tương	Tấn	4.500						
	- Thịt hơi các loại	Tấn	170.000		2.600		1,5		
	- Trứng các loại	1000 quả	230.000						
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản	Tấn	24.200		974		4,0		
	Trồng rừng tập trung	Ha	1500						
4.2	Tổng diện tích thực hiện vụ Đông Xuân	Ha	45.110,0		42.532				
	Tổng diện tích thực hiện vụ Hè Thu	Ha							
4.3	Số vụ vi phạm lâm luật	Vụ		90	75				83,3
4.4	Số con gia cầm mắc dịch bệnh	con			215				
	Số con gia súc mắc dịch bệnh	con			64				
5	VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN								
	Số vụ thiên tai (giông, sét, bão, lũ, lụt, hạn hán...)	Vụ		-	-				
	Số người chết, mất tích do thiên tai	Người		-	-				
	Giá trị thiệt hại ước tính	Tỷ đồng		-	-				
	Khắc phục thiệt hại	Tỷ đồng		-	-				
6	SỞ CÔNG THƯƠNG								
6.1	Sản phẩm chủ yếu								
a	Nhóm CN chế biến, chế tạo								
	1- Sơ chế cà phê	10 ³ Tấn	389	34	35	33	9,00	106,06	102,94
	2- Cà phê bột	Tấn	27.500	2,45	2,5	2,426	0,01	103,05	102,04
	3- Cà phê hòa tan	Tấn	6.500	520	550	500	8,46	110,00	105,77
	4- Hạt điều nhân	Tấn	680	52	55	48	8,09	114,58	105,77
	5- Tinh bột sắn	1.000 tấn	200	10	11	16	95,00	1187,50	110,00
	6- Đường các loại	1.000 tấn	70	1	3	3	4,29	100,00	300,00
	7- Cao su CB và sản phẩm cao su	Tấn	2.800	283	286	225	10,21	127,11	101,06
	8- Ca cao	Tấn	850	75	85	55	10,00	154,55	113,33
	9- Sơ chế tinh bột ngô	Tấn	30.000	3	3,1	2,5	0,01	124,00	103,33

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
	10- Sạt sạt gạo	Tấn	2.500	220	225	200	9,00	112,50	102,27
	11- Rượu, nước giải khát, nước lọc	1.000 lít	32.500	3.1	3,2	2,72	0,01	117,65	103,23
	12- Bia các loại	1.000 lít	90.000	9,85	10	6	0,01	166,67	101,52
	13- Đá cây	10 ³ Tấn	370	36	38	28		135,71	105,56
	14- Bánh kẹo các loại	Tấn	610	70	75	48	12,30	156,25	107,14
	15- Muối lỏ, muối chế biến	Tấn	6.100	495	498	490	8,16	101,63	100,61
	16- Phân vi sinh	Tấn	10.000	450	460	290	4,60	158,62	102,22
	17- Thức ăn gia súc	Tấn	800	65	67	55	8,38	121,82	103,08
	18- Quần áo, san phẩm dệt	10 ³ chiếc	15.000	1,5	1,6	950	0,01	0,17	106,67
	19- Gỗ xẻ các loại	m ³	4.000	360	365	133	9,13	274,44	
	20- Gỗ tinh chế	m ³	12.000	930	935	855	7,79	109,36	100,54
	21- Ván nhân tạo, gỗ dán	m ³	6.500	580	587	560	9,03	104,82	101,21
	22- Mộc dân dụng	bộ	3.800	300	310	286	8,16	108,39	103,33
	23- Gỗ dầm	Tấn	22.000	1,5	1,53	1,2	0,01	127,50	102,00
	24- Giày dép các loại	10 ³ đôi	3.800	340	350	250	9,21	140,00	102,94
	25- Trang in	10 ⁶ trang	560	65	65	47	11,61	138,30	100,00
	26- Sản phẩm nhựa	Tấn	7.500	500	510	480	6,80	106,25	102,00
	27- Bao bì các loại	10 ³ chiếc	18.000	970	975	940	5,42	103,72	100,52
	28- Than tổ ong	Tấn	6.500	485	493	477	7,58	103,35	101,65
	29- Lưới thép	10 ³ m ²	115	10	11	8	9,57	137,50	110,00
	30- Luyện cán thép	Tấn	69.000	7,1	8	5,2	0,01	153,85	112,68
	31- Cán tôn	10 ³ m ²	550	50	55	43	10,00	127,91	110,00
	32- Cửa sắt, nhôm các loại	10 ³ m ²	650	70	73	50	11,23	146,00	104,29
	33- Thiết bị chế biến nông sản	Chiếc	14.000	1,4	1,42	750	0,01	0,19	101,43
	34- Bơm nước các loại	Chiếc	57.000	5,5	5,6	5	0,01	112,00	101,82
b	Nhóm CN sản xuất và phân phối điện, nước								
	35- Điện thương phẩm	10 ⁶ Kwh	1.800	123	135	126	7,50	107,14	109,76
	36 - Điện sản xuất	10 ⁶ Kwh	3.850	313	315	332	8,18	94,88	100,64
	37- Nước máy ghi thu	1.000 m ³	48.000	4,2	4,5	3,5	0,01	128,57	107,14
c	Nhóm CN khai khoáng								
	38- Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	2.310	190	191	215	8,27	88,84	100,53
	39- Cát xây dựng các loại	1.000 m ³	1.250	97	98	87	7,84	112,64	101,03

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
	40- Gạch nung quy chuẩn	10 ⁶ Viên	750	83	84	58	11,20	144,83	101,20
	41- Gạch không nung	10 ³ viên	13.000	750	760	630	5,85	120,63	101,33
	42- Gạch lát các loại	10 ³ viên	665	55	60	50	9,02	120,00	109,09
	43- Đá Granit	10 ³ m2	45	3	3	3	6,67	100,00	100,00
	44- Bê tông và các sản phẩm từ bê tông	m3	50.000	9	9,5	3,75	0,02	253,33	105,56
	45- Khai thác Fenspat	1.000 Tấn	12	1	1	1	8,33	100,00	100,00
6.2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	73.000	6.202	6.387	5.725	8,75	111,56	102,98
6.3	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	620		50	48,6	8,06	102,88	
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu								
	1- Cà phê	Tấn	230.000		15.000		6,52		
	2- Cà phê hòa tan	Tấn	7.000		600		8,57		
	3- Cao su	Tấn	8.000		800		10,00		
	4- Tiêu •	Tấn	6.000		200		3,33		
	5- Điều	Tấn	550		40		7,27		
	6- Tinh bột sắn	Tấn	130.000		1.500		1,15		
	7- Sản phẩm ong	Tấn	8.000		1.000		12,50		
6.4	Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	83		3	2,40	3,61	125,00	
7	SỞ XÂY DỰNG								
	Phê duyệt chủ trương lập và điều chỉnh quy hoạch	chủ trương		2	1	0			50,00
	Cấp giấy phép xây dựng công trình	công trình		15	7	5		140,00	46,67
	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng công trình	công trình		8	2	3		66,67	25,00
	Kiểm tra trật tự xây dựng	công trình		14	6				
	Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng	đơn vị		3	0				
7	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG								
7.4	Cấp giấy chứng nhận QSD đất hộ gia đình, cá nhân								
	Số lượng cấp	Giấy		1.251	1.479	1.617		91,47	118,23
	Diện tích cấp	Ha	28.000	591,21	698,70	800,16	2,50	87,32	118,18
7.2	Cấp giấy chứng nhận QSD đất các tổ chức								
	Số lượng cấp	Giấy		18	11	15		73,33	61,11
	Diện tích cấp	Ha	250	32,08	122,24	6,96	48,90	1.755,51	381,02

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chi tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
7.3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp	Ha		6,00	9,63	4,94		194,95	160,42
7.4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất cho các đơn vị	đơn vị		6	3				
7.5	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án	Dự án		5	3				60,00
7.6	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên, khoáng sản	đơn vị		4	16				
7.7	Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	đơn vị		0	0				
7.8	Số vụ vi phạm môi trường	vụ		0	0				
	Số tiền xử phạt vi phạm môi trường	Triệu đồng		0	0				
8	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ								
8.1	Phát triển doanh nghiệp	D. nghiệp							
	Số doanh nghiệp và chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh đang còn hoạt động		8915	8243	8306		93,17	100,76	100,76
	Số doanh nghiệp đang còn hoạt động	D. nghiệp		7495	7552	6898		109,48	100,76
	Số chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh đang còn hoạt động	Chi nhánh		748	754				100,80
	Số doanh nghiệp thành lập mới	D. nghiệp		73	97	84		115,48	132,88
	Số doanh nghiệp giải thể	D. nghiệp		7	13	19		68,42	185,71
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	D. nghiệp		23	143	129		110,85	621,74
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã quay trở lại hoạt động	D. nghiệp		20	116	73		158,90	580,00
	Số DNNN được sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp	D. nghiệp							
	Số hợp tác xã (HTX) thành lập mới	HTX	65		4		6,15		
	Số HTX tồn tại trên danh nghĩa, HTX ngừng hoạt động	HTX			90				
	Số tổ hợp tác (THT), HTX còn hoạt động	THT, HTX			370				
8.2	Xúc tiến đầu tư								
	- Số dự án thu hút đầu tư, trong đó:	Dự án		6	11	24			

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng		145,58	867,69	2294,36			
	- Số dự án phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, trong đó:	Dự án		5	5	9			
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng		232,61	274,04	106,69			
8.3	Hoạt động kinh tế đối ngoại								
	- Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó:	Dự án	0	0	2				
	+ Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng (Tỷ giá: 22.500)	0	0	46				
	- Dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trong đó:	Dự án	0	0	0				
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng	0	0	0				
	- Dự án từ nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO), trong đó:	Dự án	3	0	0				
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng	3,2	0	0				
	- Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, trong đó:	Dự án	0	0	0				
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng	0	0	0				
	- Số dự án đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư	Dự án	0	0	0				
8.4	Đầu tư xây dựng cơ bản								
a	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Dự án			17				
	Trong đó:								
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án			17				
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy định	Dự án			0				

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
b	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình	Dự án			12				
	Trong đó:								
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án			12				
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy định	Dự án			0				
c	Tình hình giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu	Hồ sơ							
	Trong đó:								
	+ Tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ			0				
	+ Không tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ			0				
9	SỞ Y TẾ								
9.1	Công tác y tế dự phòng								
	Số người mắc bệnh truyền nhiễm, trong đó:								
	- Bệnh Tay chân miệng	Người		142	6	7		85,7	4,23
	- Bệnh Liên cầu lợn	Người		0	0	0			
	- Bệnh Viêm não Nhật Bản	Người		0	0	0			
	- Bệnh sốt xuất huyết	Người	< 88,4	159	8	8		100,0	5,03
	- Bệnh Dại	Người		1	0	0			
	- Bệnh Sởi	Người		16	0	0			
	Kết quả tiêm chủng mở rộng:								
	- Tiêm sởi-rubella trẻ 18 tháng tuổi	trẻ	37.459	2.805	0	33.224	80,84	91,1	0,00
	- Tiêm DPT trẻ 18 tháng tuổi	trẻ	37.053	1.507	0	33.262	79,30	88,3	0,00
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin	%	90	11,1	0	92,5			
9.2	Số lượt Bệnh nhân khám tại các bệnh viện công lập	Lượt	25.500	24.092	24.983	37.373		66,8	103,70
	- Số HIV/AIDS/TV mới phát hiện	Người							
9.3	- Tổng số bệnh nhân tham gia điều trị bằng Methadone	Người			310				
9.4	Số Cơ sở thực phẩm thẩm định điều kiện ATTP	Cơ sở							
9.5	Tổ chức khám tại Trung tâm Da liễu cho các đối tượng phong, da liễu	Người	10000	766	908	927	9,08	98,0	118,54
9.6	Tổng Số Bệnh nhân sốt rét	Người							
	- Số lượng khám, điều trị phụ khoa	Người		189	163				86,24
9.7	- Số lượng khám, điều trị cho trẻ em	Người		8	5				62,50
9.8	Tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm	Mẫu	600	26	38	35	6,33	108,6	146,15

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
10	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH								
	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Người	1.696.500		1.568.437	1.505.881	92,5	104,2	
	Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	2.942.183		150.000	144.333	5,1	103,9	
	Tổng số tiền chi bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	2.484.322		354.578	173.061	14,3	204,9	
	Tổng số tiền nợ bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng			110.000	111.377		98,8	
11	SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH								
11.1	Tổng số lượt khách du lịch, trong đó:	1.000 lượt	950	63	79	67	8,32	117,9	125,4
	+ Tổng số lượt khách du lịch tham quan Bảo tàng tỉnh, di tích Biệt điện Bảo Đại, Nhà đày Buôn Ma Thuột...	1.000 lượt		3,698	6,253	3,166		197,5	169,1
	+ Tổng lượt khách quốc tế	1.000 lượt	90	6,5	7	6,2	7,78	112,9	107,7
11.2	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	1050	64	80	63	7,62	127,0	125,0
12	CÔNG AN TỈNH								
12.1	Tình hình tai nạn giao thông								
	- Về số vụ	vụ		27,00	46,00	75,00			
	- Về số người chết	người		16,00	26,00	41,00			
	- Về số người bị thương	người		21,00	36,00	66,00			
12.2	Số đối tượng, số vụ vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế	Đối tượng /vụ		18/22	57/57	77/78			
12.3	Số đối tượng, số vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đối tượng /vụ		55/47	90/99	67/58			
12.4	Số đối tượng, số vụ phạm tội về ma túy	Đối tượng /vụ		21/27	39/48	43/35			
12.5	Tuần tra kiểm soát, phát hiện, lập biên bản trường hợp vi phạm an toàn giao thông	Trường hợp		7.521	6.578				
12.6	- Số phương tiện đăng ký thêm:			379	469				
	+ Phương tiện hành khách	chiếc		283	384				
	+ Phương tiện hàng hóa	chiếc		96	85				
	- Số phương tiện đăng ký mới phân theo loại phương tiện:			6.065	7.966	12.922			
	+ Ô tô	xe		379	469				
	+ Xe máy	xe		5.686	7.497				

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
13	CẢNH SÁT PCCC TỈNH				13,00				
	Số vụ cháy, nổ	Vụ		13	1				
	Số người chết, bị thương	Người		1	0,125				
	Thiệt hại tài sản	Triệu đồng		4	4				
	Số vụ cứu nạn cứu hộ	Vụ		2	2				
	Số vụ vi phạm PCCC	vụ		0	2,15				
	Số tiền xử phạt PCCC	Triệu đồng		0					
14	SỞ TƯ PHÁP								
14.1	Số văn bản QPPL được góp ý, thẩm định	Văn bản	45		2	3			
14.2	Phát hành Bản tin Tư pháp	Cuốn	42.000		3.500	3.500			
14.3	Cấp phiếu LLTP	Phiếu	9.000		983	458			
14.4	Công tác hỗ trợ tư pháp								
	Số lượng công chứng	Trường hợp	160.000		1.574	2.080			
	Thu phí công chứng	Triệu đồng	33.000		326	413			
	Số lượng chứng thực	Trường hợp	151.000		2.481	2.751			
	Thu phí chứng thực	Triệu đồng	1.150		20	20			
	Số cuộc bán đấu giá tài sản	Cuộc	990		30	23			
14.5	Số vụ việc, lượt người được TGPL	Vụ/lượt người	850/850		36/36	36/36			

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
27	TRANH TRA TỈNH								
27.1	Công tác thanh tra								
	- Số cuộc thanh tra hành chính	Cuộc			40	31			
	+ Phát hiện sai phạm về kinh tế	Triệu đồng			9.639	15.845			
	+ Kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			7.819	6.181			
	+ Giám trừ quyết toán	Triệu đồng			1.179	755			
	+ Kiến nghị xử lý khác	Triệu đồng			641	8.909			
	+ Đã thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			5.164	357			
	- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc			66	104			
	- Phát hiện sai phạm về thanh tra kiểm tra chuyên ngành:								
	+ Số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyết định			66	77			
	+ Số tiền xử phạt vi phạm hành chính	Triệu đồng			578	582			
	+ Đã thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			177	105			
27.2	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo								
	Số lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Lượt			43	53			
	Số vụ khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Vụ			41	53			
	Tiếp nhận mới đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn			105	100			
	Tổng số đơn phải xử lý	Đơn			120	135			
	Đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý	Đơn			61	106			

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 12/2018	Kết quả thực hiện tháng 01/2019	Kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
							Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 01/2019 so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện tháng 01/2019 so với tháng 12/2018
			1	2	3	5	6=(4/1)	7=(4/5)	9=(3/2)
28	SỞ NỘI VỤ								
28.1	Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Trường hợp			2				
28.2	Quyết định, thỏa thuận tiếp nhận, điều động	Trường hợp			3				#DIV/0!
28.3	Quyết định cử công chức, viên chức đi học sau đại học	Trường hợp			8				
28.4	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn	Trường hợp							
28.5	Công tác thi đua, khen thưởng								
	Khen thưởng tập thể	Đơn vị			93				
	Khen thưởng cá nhân	Cá nhân			53				
29	SỞ NGOẠI VỤ								
29.1	Số đoàn vào và chuyên gia nước ngoài đến tỉnh	Đoàn/ người		41/170	13/22	21/80			
29.2	Số đoàn ra và công chức, viên chức tỉnh đi nước ngoài	Đoàn/ người		05/13	04/06	05/12			